

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N T
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 164/2020/HS-ST

Ngày: 20/7/2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N T - TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Bích Liễu**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Chính An** – Cán bộ Đoàn TNCS
Hồ Chí Minh,

Bà **Võ Thị Bồi** – Nguyên là Giáo viên.

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị O** – Thư ký tòa án Tòa án nhân dân thành phố N T, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố N T tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoài Phương** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N T, tỉnh Khánh Hòa, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 190/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/2019/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 02/5/2002 tại Khánh Hòa; Nơi cư trú: 78 Đường T1, phường T, N T, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh K1, sinh năm 1975, con bà Nguyễn Thị K2, sinh năm 1976;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

1. **Trần Thị Thanh A**, sinh năm 1985

Địa chỉ: 295B Đường T1, phường T, N T.

Vắng mặt.

2. **Phan Thanh B**, sinh năm 2003

Đại diện hợp pháp của bị hại: Phan B1, sinh năm 1966 và Huỳnh Thị B2, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: 35 đường T2, phường T, N T.

Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:**

1. **Nguyễn Xuân U**, sinh năm 1985

Địa chỉ: 295B Khóm Đường T1, phường T, N T.

Vắng mặt.

2. **Lê D**, sinh năm 1987

Địa chỉ: 28 đường S1, Phường S, N T.

Vắng mặt.

3. **Nguyễn Thanh M**, sinh năm 1974

Địa chỉ: 78 Đường T1, phường T, N T.

Có mặt.

4. **Nguyễn Thị Bích O**, sinh năm 1976

Địa chỉ: 78 Đường T1, phường T, N T.

Vắng mặt.

* *Người làm chứng:* **Phan L**, sinh năm 2000

Địa chỉ: 35 T2, phường T, N T.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 05/2/2020, Nguyễn Tuấn K đi đến nhà bạn Phan L (sinh năm: 2000; trú tại: số 35 đường T2, phường T, thành phố N T) để chơi thì thấy L cùng em gái của L là Phan Thanh B (sinh năm: 2003; trú tại: số 35 đường T2, phường T, thành phố N T) đang nằm ngủ trong phòng ngủ. Lúc này, K nhìn thấy 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi Note 7, màu trắng của B đang “sạc pin” trên đầu giường ngủ nên đã nảy sinh ý định lấy trộm điện thoại di động trên. Sau đó, K lấy trộm điện thoại di động trên rồi đi về nhà. Sau khi trộm cắp được điện thoại di động trên, K mang điện thoại di động đến cửa hàng điện thoại Ngọc Danh, địa chỉ: số 28 đường S1, phường Phường S, thành phố N T yêu cầu chạy lại chương trình xóa mật khẩu. Sau khi ngủ dậy, L và B phát hiện bị mất điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi Note 7, màu trắng đã đến Công an phường T, thành phố N T trình báo sự việc.

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 06/2/2020, Nguyễn Tuấn K đi ngang qua trước nhà số 295B Đường T1, phường T, thành phố N T thì phát hiện thấy 01 xe máy hiệu Honda AirBlade, màu vàng đen, biển kiểm soát: 79N2-257.34 của chị Trần Thị Thanh A (sinh năm: 1985; trú tại: 295B Đường T1, phường T, thành phố N T) đang để trước nhà, không có người trông giữ và không khóa cổ xe. K đã nảy sinh ý định trộm cắp xe máy trên rồi đến dắt xe máy hiệu Honda AirBlade, màu vàng đen, biển kiểm soát: 79N2-257.34 mang đi tiêu thụ. Khi K đang dắt bộ xe máy hiệu Honda AirBlade, màu vàng đen, biển kiểm soát: 79N2-257.34 đi đến khu vực đường sắt M V, phường T, thành phố N T thì bị anh Phan L phát hiện. Anh L tri hô cùng người dân đưa K và tang vật đến Cơ quan Công an thành phố N T làm việc.

Qua đấu tranh, Nguyễn Tuấn K đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp như trên.

Tại bản kết luận định giá số: 38/HĐĐG ngày 11/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố N T kết luận: 01 xe máy hiệu Honda AirBlade, màu vàng đen, biển kiểm soát: 79N2-257.34 có giá trị là: 28.120.000 đồng (Hai tám triệu một trăm hai mươi nghìn đồng); 01 điện thoại di động hiệu

Xiaomi Redmi Note 7, màu trắng 64GB có giá trị là: 3.946.800 đồng (ba triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn tám trăm đồng).

Tại bản cáo trạng số 168/CT-VKS ngày 26/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N T đã truy tố bị cáo Nguyễn Tuấn K về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố N T đã giữ nguyên kết luận truy tố bị cáo Nguyễn Tuấn K về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 91 và Điều 101 Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo từ 06 (sáu) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù.

Bị cáo Nguyễn Tuấn K khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt các bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, xét thấy việc vắng mặt của những người này chỉ trở ngại cho việc giải quyết vấn đề bồi thường nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại Điều 292 và 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi tố tụng của những người tiến hành tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, thực hành quyền công tố tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Theo cáo trạng truy tố cho thấy, tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi như cáo trạng truy tố phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đủ căn cứ để xác định:

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 05/02/2020, tại nhà số 35 đường T2, phường T, thành phố N T, Nguyễn Tuấn K đã lén lút trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi Note 7, màu trắng 64GB của chị Phan Thanh B trị giá là: 3.946.800 đồng (Ba triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn tám trăm đồng).

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 06/02/2020, tại trước nhà số 295B Đường T1, phường T, thành phố N T, Nguyễn Tuấn K đã lén lút trộm cắp 01 xe máy hiệu Honda AirBlade, màu vàng đen, biển kiểm soát: 79N2-257.34 của chị Trần Thị Thanh A trị giá là: 28.120.000 đồng (Hai tám triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản Nguyễn Tuấn K đã trộm cắp có trị giá là: 32.066.800 đồng (Ba mươi hai triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm đồng). Khi bị cáo lén lút trộm cắp các tài sản trên thì không có người trông coi.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N T đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do coi thường pháp luật, muốn có tiền chơi game nên vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương. Bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp hai lần nên cần áp dụng tình tiết “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Do đó, hành vi của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm khắc.

Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt; tài sản trộm cắp đã trả lại cho bị hại. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên cần áp dụng mức hình phạt không quá ba phần tư mức phạt tù đối với bị cáo theo quy định cụ thể tại Điều 91, khoản 1 Điều 101 và Chương XII Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên bị cáo ở mức thấp của khung hình phạt cũng đảm bảo mục đích của hình phạt, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật và đủ tác dụng phòng ngừa chung trong xã hội.

Đối với hành vi của Lê D (chủ cửa hàng điện thoại N D, địa chỉ số 28 đường S1, phường Phường S, thành phố N T) có nhận 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi Note 7, màu trắng 64GB của Nguyễn Tuấn K để chạy chương trình xóa mật khẩu, D không biết điện thoại di động trên là tài sản do K trộm cắp mà có. Vì vậy không có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với Lê D.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Thị Thanh A, người liên quan Nguyễn Xuân U, Lê D, Nguyễn Thị Bích O vắng mặt tại phiên tòa nên cần tách ra giải quyết riêng trong một vụ án dân sự khi có đơn yêu cầu; bị hại Phan Thanh B, người đại diện hợp pháp cho bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 91, khoản 1 Điều 101, Chương XII của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Tuấn K.

[2] Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tuấn K 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù được tính từ ngày bắt đi thi hành án.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Thị Thanh A, người liên quan Nguyễn Xuân U, Lê D, Nguyễn Thị Bích O vắng mặt tại phiên tòa nên cần tách ra giải quyết riêng trong một vụ án dân sự khi có đơn yêu cầu; bị hại Phan Thanh B, người đại diện hợp pháp cho bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Áp dụng Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền và nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP. N T;
- Chi Cục THADS TP. N T;
- Sở tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Công an TP. N T;
- Bị cáo, các bị hại, đại diện hợp pháp cho bị hại, người liên quan;
- Lưu án văn, hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Bích Liễu